

**TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-KTTL ngày tháng năm 2018 của Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông)

Ngày cập nhật: Ngày 11 tháng 4 năm 2018

| TT         | Công trình/ Khu tưới       | Địa điểm xây dựng (xã) | Dung tích toàn phần (10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup> ) | Hình thức tràn xả lũ | Mức nước hiện tại so với MNDĐT (hồ chứa) hoặc MNTK (trạm bơm) (m) | Dung tích hiện tại (10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup> ) | Dung tích hiện tại so với dung tích thiết kế (%) | Nhận định tình hình hạn hán, thiếu nước | Nhận định thời gian xảy ra thiếu nước           |
|------------|----------------------------|------------------------|-------------------------------------------------------|----------------------|-------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Thị xã Gia Nghĩa</b>    |                        | <b>7,091.090</b>                                      |                      |                                                                   | <b>6,842.880</b>                                     | <b>96,50</b>                                     |                                         |                                                 |
| 1          | Hồ Nam Đà                  | Đắk Nia                | 1,082.400                                             | Tự do                | -0,65                                                             | 1,054.680                                            | 97                                               | Đảm bảo                                 |                                                 |
| 2          | Hồ Chế Biên                | Đắk Nia                | 689.800                                               | Tự do                | -0,15                                                             | 683.990                                              | 99                                               | Đảm bảo                                 |                                                 |
| 3          | Hồ Fai Kol Poul Dăng       | Đắk Nia                | 230.000                                               | Tự do                | -0,85                                                             | 224.030                                              | 97                                               | Đảm bảo                                 |                                                 |
| 4          | Hồ Đắk Noh (Đắk Đò)        | Đắk Nia                | 426.600                                               | Tự do                | -1,06                                                             | 400.320                                              | 94                                               | Đảm bảo                                 |                                                 |
| 5          | Hồ Đắk Cút                 | Đắk Nia                | 790.100                                               | Tự do                | -1,35                                                             | 745.080                                              | 94                                               | Đảm bảo                                 |                                                 |
| 6          | Hồ Thôn 2B                 | Đắk Nia                | 355.690                                               | Tự do                | -0,80                                                             | 338.310                                              | 95                                               | Đảm bảo                                 |                                                 |
| 7          | Hồ Đắk Rial                | Đắk Nia                | 306.190                                               | Tự do                | -1,35                                                             | 283.910                                              | 93                                               | Đảm bảo                                 |                                                 |
| 8          | Hồ Rẫy Mới                 | Quảng Thành            | 574.500                                               | Tự do                | -1,40                                                             | 566.500                                              | 99                                               | Đảm bảo                                 |                                                 |
| 9          | Hồ Tân Hiệp 1              | Đắk R'moan             | 772.160                                               | Tự do                | -0,85                                                             | 715.630                                              | 93                                               | Đảm bảo                                 |                                                 |
| 10         | Hồ Thủy lợi Nghĩa Phú      | Nghĩa Phú              | 68.900                                                | Tự do                | -1,90                                                             | 58.650                                               | 85                                               | Đảm bảo                                 |                                                 |
| 11         | Hồ Sinh Ba                 | Nghĩa Trung            | 603.750                                               | Cửa van              | -0,10                                                             | 595.180                                              | 99                                               | Đảm bảo                                 |                                                 |
| 12         | Hồ Tô 5                    | Nghĩa Trung            | 300.000                                               | Tự do                | -0,15                                                             | 296.450                                              | 99                                               | Đảm bảo                                 |                                                 |
| 13         | Hồ Tô 6                    | Nghĩa Trung            | 286.000                                               | Tự do                | -0,75                                                             | 274.270                                              | 96                                               | Đảm bảo                                 |                                                 |
| 14         | Hồ Đắk Nút                 | Nghĩa Đức              | 605.000                                               | Tự do                | 0,00                                                              | 605.880                                              | 100                                              | Đảm bảo                                 |                                                 |
| <b>II</b>  | <b>Huyện Krông Nô</b>      |                        | <b>22,234.310</b>                                     |                      |                                                                   | <b>16,702.400</b>                                    | <b>75,12</b>                                     |                                         |                                                 |
| 1          | Công trình thủy lợi Đắk Rồ | Đắk Đ'ró               | 12,230.000                                            | Cửa van              | -6,40                                                             | 9,196.200                                            | 75                                               | Đảm bảo                                 |                                                 |
| 2          | Hồ Đắk Nang                | Đắk Nang               | 3,600.000                                             | Tự do                | -1,50                                                             | 3,142.370                                            | 87                                               | Đảm bảo                                 |                                                 |
| 3          | Hồ Nam Đà (Đắk Mâm)        | Nam Đà                 | 3,264.920                                             | Tự do                | - 1,95                                                            | 2,572.900                                            | 79                                               | Không đảm bảo                           |                                                 |
| 4          | Hồ Đắk Hou                 | Nâm N'Dir              | 456.900                                               | Tự do                | -0,80                                                             | 426.180                                              | 93                                               | Đảm bảo                                 |                                                 |
| 5          | Hồ Đắk Pok                 | Nâm N'Dir              | 846.000                                               | Tự do                | -0,90                                                             | 719.100                                              | 85                                               | Đảm bảo                                 |                                                 |
| 6          | Hồ Đắk Mhang               | Nam Nung               | 695.000                                               | Tự do                | -1,70                                                             | 501.310                                              | 72                                               | Đảm bảo                                 |                                                 |
| 7          | Hồ Buôn Rcập               | Nam Nung               | 598.520                                               | Tự do                | <MNC                                                              | 76.000                                               | 13                                               | Không đảm bảo                           |                                                 |
| 8          | Hồ Buôn Dong               | Quảng Phú              | 173.870                                               | Tự do                | -4,00                                                             | 23.010                                               | 13                                               | Không đảm bảo                           |                                                 |
| 9          | Hồ Buôn Lang               | Quảng Phú              | 369.100                                               | Tự do                | -5,00                                                             | 45.330                                               | 12                                               | Đảm bảo                                 |                                                 |
| 10         | Trạm bơm Đắk Rền           | Nâm N'Dir              |                                                       |                      |                                                                   |                                                      |                                                  | Không đảm bảo                           |                                                 |
|            | - Trạm bơm số 1            | Nâm N'Dir              |                                                       |                      | 0,50                                                              |                                                      |                                                  | Không đảm bảo                           |                                                 |
|            | - Trạm bơm số 1A           | Nâm N'Dir              |                                                       |                      | Kiệt                                                              |                                                      |                                                  | Không đảm bảo                           |                                                 |
|            | - Trạm bơm số 2            | Nâm N'Dir              |                                                       |                      | 0,40                                                              |                                                      |                                                  | Không đảm bảo                           |                                                 |
|            | - Trạm bơm số 3            | Nâm N'Dir              |                                                       |                      | 0,50                                                              |                                                      |                                                  | Không đảm bảo                           |                                                 |
|            | - Trạm bơm số 4            | Nâm N'Dir              |                                                       |                      | Kiệt                                                              |                                                      |                                                  | Không đảm bảo                           |                                                 |
|            | - Trạm bơm số 5            | Nâm N'Dir              |                                                       |                      | Kiệt                                                              |                                                      |                                                  | Không đảm bảo                           |                                                 |
| 11         | Trạm bơm Buôn Choách       | Buôn Choách            |                                                       |                      | 1,50                                                              |                                                      |                                                  | Đảm bảo                                 |                                                 |
| 12         | Trạm bơm D12 Buôn Sục      | Quảng Phú              |                                                       |                      | 1,50                                                              |                                                      |                                                  | Đảm bảo                                 |                                                 |
| <b>III</b> | <b>Huyện Đắk Song</b>      |                        | <b>12,611.230</b>                                     |                      |                                                                   | <b>11,127.455</b>                                    | <b>88,23</b>                                     |                                         |                                                 |
| 1          | Hồ Đắk Toa                 | Thuận Hà               | 1,717.660                                             | Tự do                | -1,15                                                             | 1,388.440                                            | 81                                               | Đảm bảo                                 |                                                 |
| 2          | Hồ Sinh Muồng              | Thuận Hạnh             | 1,431.000                                             | Tự do                | -0,10                                                             | 1,395.230                                            | 98                                               | Đảm bảo                                 |                                                 |
| 3          | Hồ Đắk Kuál                | Đắk N'Drung            | 1,230.700                                             | Cửa van              | -0,67                                                             | 1,126.320                                            | 92                                               | Đảm bảo                                 |                                                 |
| 4          | Đập Đắk Nhai               | Trường Xuân            | 1,064.700                                             | Tự do                | -0,70                                                             | 975.980                                              | 92                                               | Đảm bảo                                 |                                                 |
| 5          | Hồ Cư Prông                | Đắk Mol                | 115.000                                               | Tràn giếng           | -1,70                                                             | 76.670                                               | 67                                               | Không đảm bảo                           |                                                 |
| 6          | Hồ Đắk Mol                 | Đắk Mol                | 759.000                                               | Tự do                | -0,30                                                             | 697.460                                              | 92                                               | Đảm bảo                                 |                                                 |
| 7          | Hồ Đắk R'Lon               | TT Đức An              | 907.670                                               | Cửa van              | -0,30                                                             | 878.390                                              | 97                                               | Đảm bảo                                 |                                                 |
| 8          | Hồ Đắk Muồng               | TT Đức An              | 321.500                                               | Tràn giếng           | -3,50                                                             | 153.550                                              | 48                                               | Không đảm bảo                           |                                                 |
| 9          | CTTL Đắk Lép               | Nâm N'Jang             | 641.800                                               | Tự do                | -0,60                                                             | 590.460                                              | 92                                               | Đảm bảo                                 |                                                 |
| 10         | Thủy lợi Nâm N'Jang        | Nâm N'Jang             | 563.950                                               | Cửa van              | -0,25                                                             | 535.180                                              | 95                                               | Đảm bảo                                 |                                                 |
| 11         | Hồ Đắk Pông Bê             | Đắk N'Drung            | 748.800                                               | Tự do                | -0,85                                                             | 661.610                                              | 88                                               | Đảm bảo                                 |                                                 |
| 12         | Hồ Suối Đá                 | Đắk N'Drung            | 252.000                                               | Tự do                | -0,97                                                             | 184.100                                              | 73                                               | Đảm bảo                                 |                                                 |
| 13         | Hồ Thôn 2                  | Đắk N'Drung            | 145.000                                               | Tự do                | 0,04                                                              | 142.825                                              | 99                                               | Đảm bảo                                 |                                                 |
| 14         | Hồ Thôn 5                  | Đắk N'Drung            | 135.000                                               | Cửa van              | -0,50                                                             | 114.750                                              | 85                                               | Không đảm bảo                           |                                                 |
| 15         | Hồ Thôn 7 (Bu Bong)        | Đắk N'Drung            | 114.000                                               | Tự do                | -0,30                                                             | 98.450                                               | 86                                               | Không đảm bảo                           |                                                 |
| 16         | Hồ Thuận Tân               | Thuận Hạnh             | 262.000                                               | Tự do                | -0,80                                                             | 231.620                                              | 88                                               | Không đảm bảo                           |                                                 |
| 17         | Hồ Thuận Thành             | Thuận Hạnh             | 742.600                                               | Cửa van              | -0,75                                                             | 681.400                                              | 92                                               | Đảm bảo                                 |                                                 |
| 18         | Hồ Đắk Mrung               | Thuận Hạnh             | 479.950                                               | Tự do                | -0,30                                                             | 426.620                                              | 89                                               | Đảm bảo                                 |                                                 |
| 19         | Hồ Thôn 2 (Trường Xuân)    | Trường Xuân            | 455.900                                               | Tràn giếng           | -0,70                                                             | 389.410                                              | 85                                               | Không đảm bảo                           |                                                 |
| 20         | Hồ Thôn 3                  | Trường Xuân            | 249.500                                               | Tự do                | -1,70                                                             | 175.320                                              | 70                                               | Không đảm bảo                           |                                                 |
| 21         | CTTL Đắk Cai               | Trường Xuân            | 273.500                                               | Tự do                | -1,20                                                             | 203.670                                              | 74                                               | Không đảm bảo                           |                                                 |
| <b>IV</b>  | <b>Huyện Tuy Đức</b>       |                        | <b>13,566.020</b>                                     |                      |                                                                   | <b>10,515.496</b>                                    | <b>77,51</b>                                     |                                         |                                                 |
| 1          | Hồ Đắk R'Tih               | Đắk R'Tih              | 2,224.000                                             | Tự do                | -0,71                                                             | 2,008.870                                            | 90                                               | Đảm bảo                                 |                                                 |
| 2          | Hồ Đắk Buk So              | Đắk Buk Sor            | 1,081.000                                             | Tự do                | -1,30                                                             | 811.120                                              | 75                                               | Đảm bảo                                 |                                                 |
| 3          | Hồ Đắk Ría                 | Đắk R'Tih              | 1,049.000                                             | Tự do                | -1,30                                                             | 923.036                                              | 88                                               | Đảm bảo                                 |                                                 |
| 4          | Hồ Đắk Ké                  | Quảng Trực             | 313.300                                               | Tự do                | -0,70                                                             | 265.700                                              | 85                                               | Đảm bảo                                 |                                                 |
| 5          | Hồ Đắk Huyt                | Quảng Trực             | 390.000                                               | Tự do                | -1,70                                                             | 249.070                                              | 64                                               | Đảm bảo                                 |                                                 |
| 6          | Hồ Đắk Biêng               | Đắk R'Tih              | 709.000                                               | Cửa van              | -2,50                                                             | 291.500                                              | 41                                               | Không đảm bảo                           | Đang thực hiện điều tiết nước từ hồ Đắk Bu Rley |
| 7          | Đập Bon Đắk Bu Lum         | Quảng Trực             | 138.470                                               | Tự do                | -2,00                                                             | 66.470                                               | 48                                               | Đảm bảo                                 |                                                 |
| 8          | Hồ Đắk Ké 2                | Quảng Trực             | 403.700                                               | Tự do                | -1,80                                                             | 254.300                                              | 63                                               | Không đảm bảo                           |                                                 |
| 9          | Hồ Thôn 2 (Pu Prăng)       | Quảng Trực             | 107.900                                               | Tự do                | -0,02                                                             | 107.360                                              | 99                                               | Đảm bảo                                 |                                                 |
| 10         | Hồ Đoàn Văn                | Đắk R'Tih              | 728.400                                               | Tự do                | -2,00                                                             | 268.400                                              | 37                                               | Không đảm bảo                           |                                                 |
| 11         | Đập Đắk Bu Rley            | Đắk R'Tih              | 115.520                                               | Tự do                | -1,00                                                             | 84.920                                               | 74                                               | Đảm bảo                                 |                                                 |
| 12         | Hồ Đắk BLung               | Đắk Buk Sor            | 562.300                                               | Tự do                | -2,00                                                             | 162.500                                              | 29                                               | Đảm bảo                                 |                                                 |
| 13         | Đập Đắk Glun 1             | Đắk Ngo                | 460.800                                               | Tự do                | -0,80                                                             | 369.600                                              | 80                                               | Đảm bảo                                 |                                                 |

| TT  | Công trình/ Khu tưới           | Địa điểm xây dựng (xã) | Dung tích toàn phần (10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup> ) | Hình thức tràn xả lũ | Mức nước hiện tại so với MNDĐT (hồ chứa) hoặc MNTK (trạm bơm) (m) | Dung tích hiện tại (10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup> ) | Dung tích hiện tại so với dung tích thiết kế (%) | Nhận định tình hình hạn hán, thiếu nước | Nhận định thời gian xảy ra thiếu nước |
|-----|--------------------------------|------------------------|-------------------------------------------------------|----------------------|-------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------|
| 14  | Đập Đăk Glun 2                 | Đăk Ngo                | 460.800                                               | Tự do                | -0,30                                                             | 429.600                                              | 93                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 15  | Đập Đăk Glun 3                 | Đăk Ngo                | 562.500                                               | Tự do                | -0,65                                                             | 487.750                                              | 87                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 16  | Đập Đăk Rma                    | Đăk Buk Sor            | 335.800                                               | Tự do                | -0,02                                                             | 333.940                                              | 99                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 17  | Đập Đăk Huýt 4                 | Quảng Trục             | 377.830                                               | Tự do                | -1,00                                                             | 217.830                                              | 58                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 18  | Đập D2                         | Quảng Trục             | 815.000                                               | Tự do                | -0,02                                                             | 810.900                                              | 99                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 19  | Hồ Số 1                        | Đăk Ngo                | 650.000                                               | Tự do                | -0,65                                                             | 585.000                                              | 90                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 20  | Hồ Số 2                        | Đăk Ngo                | 287.000                                               | Tự do                | -1,40                                                             | 229.600                                              | 80                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 21  | Hồ Số 3                        | Đăk Ngo                | 311.000                                               | Tự do                | -1,70                                                             | 248.800                                              | 80                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 22  | Hồ Số 4                        | Đăk Ngo                | 252.000                                               | Tự do                | -1,00                                                             | 201.600                                              | 80                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 23  | Hồ Đăk Tiên Tranh              | Đăk Buk So             | 1.230.700                                             | Tự do                | -1,20                                                             | 1.107.630                                            | 90                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| V   | <b>Huyện Đăk Rlấp</b>          |                        | <b>26,907.690</b>                                     |                      |                                                                   | <b>24,200.112</b>                                    | <b>89,94</b>                                     |                                         |                                       |
| 1   | Hồ Đăk RTang                   | Kiến Thành             | 1.340.000                                             | Tự do                | -0,80                                                             | 1.234.722                                            | 92                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 2   | Hồ Thôn 2 (Đăk Sín)            | Đăk Sín                | 1.213.250                                             | Cửa van              | -0,87                                                             | 1.111.130                                            | 92                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 3   | Hồ Cầu Tư                      | Nghĩa Thắng            | 7.960.000                                             | Tự do                | -5,00                                                             | 6.528.500                                            | 82                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 4   | Hồ Nhân Cơ                     | Nhân Cơ                | 452.000                                               | Cửa van              | -0,42                                                             | 423.060                                              | 94                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 5   | Đập Quảng Lộc                  | Đạo Nghĩa              | 1.103.000                                             | Tự do                | -0,30                                                             | 1.084.420                                            | 98                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 6   | Hồ Đăk Cón                     | Đạo Nghĩa              | 773.810                                               | Tự do                | -0,65                                                             | 707.640                                              | 91                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 7   | Hồ Đăk Sinh (Hồ thôn 5)        | Đăk Sín                | 1.164.440                                             | Tự do                | -0,50                                                             | 1.119.670                                            | 96                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 8   | Thủy lợi Bàu Muối              | Nhân Đạo               | 938.900                                               | Tự do                | -1,70                                                             | 831.620                                              | 89                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 9   | Hồ Đăk Nêr                     | Nhân Đạo               | 1.000.700                                             | Tự do                | -0,20                                                             | 987.010                                              | 99                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 10  | Hồ Thôn 11                     | Nhân Cơ                | 461.300                                               | Tự do                | -0,25                                                             | 455.990                                              | 99                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 11  | Hồ Số 3                        | Nhân Cơ                | 183.600                                               | Tự do                |                                                                   |                                                      | 0                                                | Đảm bảo                                 |                                       |
| 12  | Hồ Thôn 12                     | Nhân Cơ                | 403.030                                               | Tự do                | -0,30                                                             | 394.370                                              | 98                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 13  | Hồ Thôn 5                      | Đăk Sín                | 702.070                                               | Tự do                | -0,40                                                             | 680.860                                              | 97                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 14  | Đập Thôn 5                     | Đăk Sín                | 745.000                                               | Tự do                | -0,67                                                             | 693.550                                              | 93                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 15  | Hồ Đăk Sín                     | Đăk Sín                | 686.060                                               | Tự do                | -1,00                                                             | 622.900                                              | 91                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 16  | Hồ Đăk Blao                    | TT Kiến Đức            | 264.480                                               | Tự do                | -0,36                                                             | 248.520                                              | 94                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 17  | Thủy lợi Da Dung               | TT Kiến Đức            | 289.400                                               | Tự do                | -0,82                                                             | 277.770                                              | 96                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 18  | Hồ Đăk R'Mur                   | Nhân Đạo               | 764.350                                               | Tự do                | -1,00                                                             | 710.540                                              | 93                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 19  | Hồ Đăk Rung                    | Nhân Đạo               | 494.000                                               | Tự do                | -0,15                                                             | 489.130                                              | 99                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 20  | Hồ Bon Pì Nao                  | Nhân Đạo               | 916.700                                               | Tự do                | -1,30                                                             | 828.790                                              | 90                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 21  | Hồ Sa Da Co                    | Quảng Tín              | 350.000                                               | Tự do                | 0,00                                                              | 350.000                                              | 100                                              | Đảm bảo                                 |                                       |
| 22  | Hồ Thôn 9 Quảng Tín            | Quảng Tín              | 517.000                                               | Tự do                | -0,10                                                             | 514.350                                              | 99                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 23  | Thủy lợi Đăk Xá                | Quảng Tín              | 408.100                                               | Tự do                | -2,50                                                             | 323.020                                              | 79                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 24  | Hồ Đăk Ru I                    | Đăk Ru                 | 422.000                                               | Tự do                | 0,00                                                              | 422.000                                              | 100                                              | Đảm bảo                                 |                                       |
| 25  | Hồ Đăk Ru II                   | Đăk Ru                 | 458.900                                               | Tự do                | -0,60                                                             | 443.880                                              | 97                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 26  | Hồ Đăk Tát                     | Hưng Bình              | 544.000                                               | Tự do                | -1,60                                                             | 441.490                                              | 81                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 27  | Đập thôn 8 Đăk Sín             | Hưng Bình              | 418.100                                               | Cửa van              | -0,60                                                             | 392.440                                              | 94                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 28  | Hồ Thôn 9 (Kiến Thành)         | Kiến Thành             | 610.300                                               | Tự do                | -0,30                                                             | 596.540                                              | 98                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 29  | Hồ Thôn 2                      | Quảng Tín              | 120.000                                               | Tự do                | 0,40                                                              | 120.000                                              | 100                                              | Đảm bảo                                 |                                       |
| 30  | Hồ Bon Bu Ja Rá                | Nghĩa Thắng            | 494.000                                               | Tự do                | 0,05                                                              | 494.000                                              | 100                                              | Đảm bảo                                 |                                       |
| 31  | Hồ Đăk Krung                   | Đăk Wer                | 532.000                                               | Tự do                | -0,28                                                             | 511.200                                              | 96                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 32  | Đập Đăk Jeng Tung              | Kiến Thành             | 177.200                                               | Cửa van              | -1,00                                                             | 161.00                                               | 91                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| VI  | <b>Huyện Đăk Glong</b>         |                        | <b>11,656.600</b>                                     |                      |                                                                   | <b>9,599.930</b>                                     | <b>82,36</b>                                     |                                         |                                       |
| 1   | Hồ Thủy điện                   | Quảng Sơn              | 1.200.000                                             | Tự do                | 0,00                                                              | 1.200.000                                            | 100                                              | Đảm bảo                                 |                                       |
| 2   | Hồ Công ty 847                 | Quảng Sơn              | 1.098.450                                             | Tự do                | -0,92                                                             | 947.570                                              | 86                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 3   | Hồ Đăk Hlang                   | Quảng Khê              | 524.170                                               | Tự do                | -2,50                                                             | 294.170                                              | 56                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 4   | Hồ Trường Học                  | Quảng Khê              | 190.000                                               | Tự do                | 0,15                                                              | 190.000                                              | 100                                              | Đảm bảo                                 |                                       |
| 5   | Nao Ma A                       | Quảng Khê              | 568.800                                               | Tự do                | -0,52                                                             | 538.640                                              | 95                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 6   | Hồ Thôn 2 (Nao Kon Đoi)        | Quảng Khê              | 410.300                                               | Tự do                | 0,00                                                              | 410.300                                              | 100                                              | Đảm bảo                                 |                                       |
| 7   | Hồ Thôn 4                      | Quảng Khê              | 356.320                                               | Tự do                | -0,80                                                             | 304.320                                              | 85                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 8   | Hồ Đăk Sré                     | Quảng Khê              | 732.900                                               | Tự do                | -1,25                                                             | 499.150                                              | 68                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 9   | Hồ Thôn 3                      | Quảng Khê              | 350.000                                               | Tự do                | -0,50                                                             | 328.000                                              | 94                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 10  | CTTL N'Jer                     | Quảng Khê              |                                                       | Tự do                | -0,83                                                             |                                                      |                                                  | Đảm bảo                                 |                                       |
| 11  | Hồ Bās Rai                     | Quảng Khê              |                                                       | Tự do                | -1,20                                                             |                                                      |                                                  | Đảm bảo                                 |                                       |
| 12  | Hồ Bì Zê Rê                    | Đăk Som                | 332.700                                               | Tự do                | -0,70                                                             | 290.700                                              | 87                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 13  | Hồ BĐong                       | Đăk Som                | 400.000                                               | Tự do                | 0,00                                                              | 400.000                                              | 100                                              | Đảm bảo                                 |                                       |
| 14  | Thủy lợi Thôn 5                | Đăk Som                | 241.400                                               | Tự do                | -3,90                                                             | 81.500                                               | 34                                               | Đảm bảo                                 | Thiếu nước cuối vụ                    |
| 15  | Hồ Chum Ia                     | Đăk Som                |                                                       | Tự do                | 0,02                                                              |                                                      |                                                  | Đảm bảo                                 |                                       |
| 16  | Hồ Thôn 1                      | Đăk Ha                 | 84.000                                                | Tự do                | -0,72                                                             | 70.400                                               | 84                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 17  | Hồ Đăk Bông                    | Đăk Ha                 | 165.120                                               | Tự do                | -0,70                                                             | 143.420                                              | 87                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 18  | Hồ Đăk Ha                      | Đăk Ha                 | 691.000                                               | Tự do                | -1,60                                                             | 571.000                                              | 83                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 19  | Hồ Đăk R'Tiêng                 | Đăk Ha                 | 169.340                                               | Tự do                | -0,65                                                             | 148.480                                              | 88                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 20  | Hồ Trảng Ba                    | Đăk Ha                 | 270.000                                               | Tự do                | -2,75                                                             | 175.500                                              | 65                                               | Đảm bảo                                 | Thiếu nước cuối vụ                    |
| 21  | Hồ Đăk Snao                    | Đăk R'măng             | 594.800                                               | Tự do                | -0,41                                                             | 501.730                                              | 84                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 22  | Hồ Đa Hang Lang                | Đăk R'măng             |                                                       | Tự do                | -0,65                                                             |                                                      |                                                  | Đảm bảo                                 |                                       |
| 23  | Hồ Đèo 52(Hồ 831)              | Quảng Sơn              | 240.000                                               | Tự do                | -3,03                                                             | 73.050                                               | 30                                               | Đảm bảo                                 | Thiếu nước cuối vụ                    |
| 24  | Hồ Đăk Snao 1(Hồ 882A)         | Quảng Sơn              | 560.250                                               | Tự do                | -2,25                                                             | 333.000                                              | 59                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 25  | Hồ Đăk Snao 2(Hồ 882B)         | Quảng Sơn              | 145.000                                               | Tự do                | -1,75                                                             | 89.800                                               | 62                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 26  | Hồ Đăk Snao 3                  | Quảng Sơn              | 620.520                                               | Tự do                | -0,10                                                             | 609.180                                              | 98                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 27  | Hồ Thôn 3B Bon Sa Nar          | Quảng Sơn              | 625.500                                               | Tự do                | -1,45                                                             | 448.600                                              | 72                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 28  | Thủy lợi Đăk Nder 2            | Quảng Sơn              | 456.030                                               | Tự do                | -0,43                                                             | 383.020                                              | 84                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 29  | Hồ Km41                        | Quảng Sơn              | 370.000                                               | Tự do                | -0,28                                                             | 324.640                                              | 88                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 30  | Hồ Ba Trong                    | Quảng Sơn              | 260.000                                               | Tự do                | -0,28                                                             | 243.760                                              | 94                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| VII | <b>Huyện Đăk Mĩl</b>           |                        | <b>20,262.220</b>                                     |                      |                                                                   | <b>12,712.240</b>                                    | <b>62,74</b>                                     |                                         |                                       |
| 1   | Công trình hồ Đăk Săk          | Đức Minh               | 7.747.500                                             | Tự do                | -2,95                                                             | 4.911.075                                            | 63                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 2   | Hồ Tây                         | TT Đăk Mĩl             | 2.830.480                                             | Tự do                | -1,08                                                             | 1.926.514                                            | 68                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 3   | Hồ Núi lửa                     | Thuận An               | 620.000                                               | Tự do                | -2,20                                                             | 197.368                                              | 32                                               | Không đảm bảo                           | Cuối vụ                               |
| 4   | Công trình Đập Đăk Puer        | Thuận An               | 350.000                                               | Cửa van              | -2,70                                                             | 98.900                                               | 28                                               | Không đảm bảo                           | Cuối vụ                               |
| 5   | Công trình Đập Đăk Goun thượng | Thuận An               | 498.000                                               | Cửa van              | -2,25                                                             | 218.913                                              | 44                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 6   | Công trình Đập Đăk Lom         | Thuận An               | 513.960                                               | Tự do                | -1,45                                                             | 369.097                                              | 72                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 7   | Công trình Đập Jun Juh         | Đức Minh               | 618.680                                               | Cửa van              | -1,38                                                             | 255.859                                              | 41                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 8   | Công trình hồ Đăk Sai          | Đăk Lao                | 133.400                                               | Cửa van              | -2,82                                                             | 84.172                                               | 63                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 9   | Công trình hồ Đăk Mбай         | Đăk Lao                | 91.600                                                | Cửa van              | -3,80                                                             | 35.682                                               | 39                                               | Không đảm bảo                           | Cả phê thiếu đợt 3,4                  |
| 10  | Công trình hồ Đăk Ken (6B)     | Đăk Lao                | 30.000                                                | Tự do                | -0,90                                                             | 14.700                                               | 49                                               | Không đảm bảo                           | Cả phê thiếu đợt 2,3,4                |
| 11  | Công trình hồ Đăk Louu         | Đăk Lao                | 55.000                                                | Tự do                | -0,50                                                             | 36.875                                               | 67                                               |                                         | Cả phê thiếu đợt 3,4                  |

| TT   | Công trình/ Khu tưới          | Địa điểm xây dựng (xã) | Dung tích toàn phần (10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup> ) | Hình thức tràn xả lũ | Mức nước hiện tại so với MNDĐT (hồ chứa) hoặc MNTK (trạm bơm) (m) | Dung tích hiện tại (10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup> ) | Dung tích hiện tại so với dung tích thiết kế (%) | Nhận định tình hình hạn hán, thiếu nước | Nhận định thời gian xảy ra thiếu nước |
|------|-------------------------------|------------------------|-------------------------------------------------------|----------------------|-------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------|
| 12   | Công trình Đắc Rla            | Đắc N'DRót             | 165.000                                               | Tự do                | -1.82                                                             | 62.443                                               | 38                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 13   | Công trình Đô Ry I            | Đắc Rla                | 283.500                                               | Cửa van              | -1.81                                                             | 186.918                                              | 66                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 14   | Công trình Đô Ry II           | Đắc Rla                | 1.314.050                                             | Cửa van              | -3.52                                                             | 825.735                                              | 63                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 15   | Công trình Đắc NDRót          | Đắc N'DRót             | 220.000                                               | Tự do                | -3.52                                                             | 87.029                                               | 40                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 16   | Công trình Đắc Láp            | Đắc Găn                | 165.000                                               | Tự do                | -2.57                                                             | 34.637                                               | 21                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 17   | Công trình Đắc Goun           | Đắc N'DRót             | 192.300                                               | Cửa van              | -2.20                                                             | 72.473                                               | 38                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 18   | Công trình thủy lợi Mạnh Tiến | Đức Mạnh               | 50.000                                                | Cửa van              | -0.32                                                             | 38.019                                               | 76                                               | Không đảm bảo                           | Cả phê thiếu đợt 3,4                  |
| 19   | Công trình hồ Vạn Xuân        | TT Đắc Mũi             | 37.500                                                | Tự do                | 0.80                                                              | 18.741                                               | 50                                               | Không đảm bảo                           |                                       |
| 20   | Đập ông Truyền                | Đức Minh               | 30.000                                                | Tự do                | -1.20                                                             | 4.800                                                | 16                                               | Không đảm bảo                           | Cả phê thiếu đợt 3,4                  |
| 21   | Đập ông Hiến                  | Đức Minh               | 30.000                                                | Tự do                | -1.50                                                             | 7.500                                                | 25                                               | Không đảm bảo                           | Cả phê thiếu đợt 3,4                  |
| 22   | Hồ F29                        | Đắc Sắk                | 720.000                                               | Tự do                | 0.01                                                              | 720.000                                              | 100                                              | Đảm bảo                                 |                                       |
| 23   | Đập Sapa (Hồ đội 3)           | Thuận An               | 45.000                                                | Tự do                | -0.20                                                             | 39.200                                               | 87                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 24   | Hồ Bu Đắc                     | Thuận An               | 475.000                                               | Tự do                | -1.10                                                             | 325.125                                              | 68                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 25   | Hồ Nông trường Thuận An       | Thuận An               | 315.000                                               | Tự do                | -3.30                                                             | 88.007                                               | 28                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 26   | Hồ Lâm trường Thuận An        | Thuận An               | 285.000                                               | Tự do                | -1.70                                                             | 165.858                                              | 58                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 27   | Hồ Lâm trường Đắc Găn         | Đắc Găn                | 61.250                                                | Tự do                | -2.55                                                             | 13.756                                               | 22                                               | Không đảm bảo                           | Cả phê thiếu đợt 3,4                  |
| 28   | Hồ Thác Hôn                   | Đức Mạnh               | 1.275.000                                             | Tự do                | -2.32                                                             | 948.530                                              | 74                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 29   | Hồ Đội 2                      | Thuận An               | 288.000                                               | Tự do                | -0.50                                                             | 231.125                                              | 80                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 30   | Hồ Đội 1                      | Đắc Lao                | 600.000                                               | Tự do                | -0.10                                                             | 580.167                                              | 97                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 31   | Hồ Đội 35                     | Đắc Lao                | 110.000                                               | Tự do                | -0.70                                                             | 88.678                                               | 81                                               | Không đảm bảo                           | Cả phê thiếu đợt 3,4                  |
| 32   | Hồ Đội 40                     | Đắc Lao                | 102.000                                               | Tự do                | -2.50                                                             | 14.344                                               | 14                                               | Không đảm bảo                           | Cả phê thiếu đợt 3,4                  |
| 33   | Thọ Hoàng                     | Đắc Sắk                | 10.000                                                | Tự do                | 0.02                                                              | 10.000                                               | 100                                              | Đảm bảo                                 |                                       |
| VIII | Huyện Cư Jút                  |                        | 12.110.150                                            |                      |                                                                   | 3.043.780                                            | 25.13                                            |                                         |                                       |
| 1    | Hồ Đắc Diêr                   | Cư Knia                | 5.500.600                                             | Tự do                | -3.90                                                             | 1.777.490                                            | 32                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 2    | Hồ Đắc Đrông                  | Đắc Đ'rông             | 3.766.700                                             | Cửa van              | -4.56                                                             | 655.270                                              | 17                                               | Không đảm bảo                           | Cuối vụ                               |
| 3    | Hồ Buôn Buôr                  | Tầm thẳng              | 298.520                                               | Cửa van              | -2.80                                                             | 146.610                                              | 49                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 4    | Hồ Cư Pu                      | Nam Dong               | 424.000                                               | Tự do                | -6.40                                                             | 7.950                                                | 2                                                | Không đảm bảo                           |                                       |
| 5    | Hồ Tiểu Khu 839               | Đắc Wil                | 194.250                                               | Tự do                | -2.30                                                             | 41.000                                               | 21                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 6    | Hồ Tiểu Khu 840               | Đắc Wil                | 614.060                                               | Tự do                | -2.80                                                             | 225.920                                              | 37                                               | Đảm bảo                                 |                                       |
| 7    | Hồ Ea Dier                    | Đắc Đ'rông             | 392.520                                               | Tự do                | <MNC                                                              |                                                      |                                                  | Không đảm bảo                           | Cuối vụ                               |
| 8    | Hồ Trúc Sơn                   | Trúc Sơn               | 919.500                                               | Cửa van              | -4.80                                                             | 189.540                                              | 21                                               | Không đảm bảo                           | Cuối vụ                               |
| 9    | Trạm bơm Ea Pô                | Ea Pô                  |                                                       |                      |                                                                   |                                                      |                                                  | Không đảm bảo                           | Cuối vụ                               |
| 170  | TỔNG CỘNG:                    |                        | 126.439.310                                           |                      |                                                                   | 94.744.293                                           | 74.93                                            |                                         |                                       |